TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 01 - 2022
V/v: Anh Đỗ Văn P xin ly hôn chị Vũ Thị Kiều T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiển.

Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Đỗ Văn P**, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn VH, VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt có lý do)

- *Bị đơn*: Chị **Vũ Thị Kiều T**, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn VH, VT, huyện V, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã ĐX, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Văn P trình bày***:

Năm 2016, anh và chị Vũ Thị Kiều T qua thời gian tìm hiểu, yêu đương thì chị T có thai, do chưa đủ tuổi nên anh chị chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn mà tự nguyện về chung sống. Ngày 15 tháng 5 năm 2017, chị T sinh con Đỗ Hoàng Dương A. Ngày 18 tháng 01 năm 2018, anh và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ngày 14 tháng 9 năm 2018, chị T sinh con Đỗ Hoàng Nhật M. Quá trình chung sống giữa anh chị không có hạnh phúc do anh chị chung sống và kết hôn khi tuổi đời còn quá trẻ, những va vấp và kinh nghiệm trong cuộc sống không có, quan điểm bất đồng, các con còn quá nhỏ, anh chị công việc không ổn định, kinh tế chủ yếu phụ thuộc hai bên gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã được hai bên gia đình phân tích, hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Tháng 02 năm 2019, chị T đưa con M về nhà bố mẹ đẻ ở thôn K, xã ĐX, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình ở, anh không đi tìm về, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Khi làm thủ tục ly hôn, anh gọi điện thoại thì chị T chặn số liên lạc của anh, anh xuống tìm thì được biết chị T gửi con M nhờ bố mẹ đẻ nuôi dưỡng hộ để chị T đi làm ăn tự do ở tỉnh ngoài, anh hỏi bố mẹ đẻ chị T, hỏi bạn bè chị T về địa chỉ hiện nay của chị T nhưng không ai nói nên anh không biết. Mặc dù anh và chị T không liên lạc nhưng chị T vẫn gọi điện thoại về cho ông nội anh là ông Đỗ Công C để hỏi thăm sức khỏe của con, gửi tiền về mua sữa, quà bánh cho con. Nay anh xác định anh không còn tình cảm với chị T, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, do đó, anh xin được ly hôn chị T để anh yên tâm làm ăn, ổn định tư tưởng, tạo dựng cuộc sống mới. Việc ly hôn, anh đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Anh và chị Vũ Thị Kiều T có hai con chung là Đỗ Hoàng Dương A, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2017, đang ở cùng anh và Đỗ Hoàng Nhật M, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2018, đang ở cùng chị T và ông bà ngoại. Các con của anh đều ngoan ngoãn, khỏe mạnh. Ly hôn, để các con ổn định cuộc sống, anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng con Đỗ Hoàng Dương A, giao cho chị T nuôi dưỡng con

Đỗ Hoàng Nhật M, anh và chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Việc anh và chị T nuôi con đều có sự quan tâm, hỗ trợ của hai bên gia đình.

Anh và chị Vũ Thị Kiều T không có tài sản chung, không đi vay, không cho ai vay nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

**** Đối với bị đơn chị Vũ Thị Kiều T***:

Tòa án đã giao trực tiếp và gửi hợp lệ qua đường bưu điện các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị Kiều T, gia đình chị T đều đã nhận được và đều đã thông báo lại cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ Tòa án yêu cầu và không có lời khai tại Tòa án.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 07 tháng 12 năm 2021, ông Đỗ Công C (ông nội anh Đỗ Văn P), cung cấp:***

Anh P, chị T kết hôn năm 2018 và sống cùng nhà với vợ chồng ông do bố mẹ đẻ anh P đang ở tại tỉnh Bình Dương. Về mâu thuẫn giữa anh chị là có do anh chị kết hôn, có con khi tuổi đời còn trẻ, rồi do công việc, thu nhập không ổn định nên thường xuyên cãi vã. Về phía gia đình đã khuyên bảo anh chị nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian rồi đâu lại vào đó. Đầu năm 2019, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở xã ĐX, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình ở. Thời gian đầu thi thoảng chị T có qua lại nhà ông nhưng thời gian gần đây do dịch bệnh Covid nên chị T không qua lại nữa nhưng vẫn gọi điện, gửi tiền về cho ông mua quà cho các con. Nay anh P xin ly hôn chị T, do anh chị không ở được với nhau nữa nên về phía gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống.

Anh P, chị T có hai con chung là Đỗ Hoàng Dương A, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2017, hiện đang ở cùng anh P và Đỗ Hoàng Nhật M, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2018, hiện đang ở cùng chị T và ông bà ngoại. Nay anh chị ly hôn, về phía gia đình đề nghị Tòa án giao cho anh chị mỗi người nuôi một con, giữ nguyên tình trạng như hiện nay.

Về tài sản chung giữa anh P, chị T, theo ông được biết là không có. Anh P, chị T không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến gia đình ông.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 07 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị S (mẹ đẻ chị Vũ Thị Kiều T), trình bày:***

Năm 2017, qua thời gian tìm hiểu, yêu đương, anh P, chị T đã có một con chung là Đỗ Hoàng Dương A. Năm 2018, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Đầu năm 2019, chị T đưa con trai thứ hai về nhà bà ở, anh chị sống ly thân từ đó. Nay anh P xin ly hôn chị T, qua nói chuyện với ông bà, chị T nói chị không còn tình cảm với anh P nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh P, chị T có hai con chung là Đỗ Hoàng Dương A, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Đỗ Hoàng Nhật M, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2018. Con A hiện đang ở cùng anh P. Còn đối với con M, trước ở cùng chị T và ông bà, khi chị T đi làm ăn xa có nhờ ông bà nuôi dưỡng hộ, trong khoảng thời gian này chị T vẫn thường xuyên điện thoại về gặp con, gửi tiền cho ông bà chi phí nuôi dưỡng con. Nay anh chị ly hôn, về phía gia đình đề nghị Tòa án giao anh P nuôi con A, giao chị T nuôi con M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung giữa anh P, chị T, theo bà được biết là không có. Anh P, chị T không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến gia đình bà.

Chị T hiện đang ở tỉnh ngoài, địa chỉ cụ thể bà không biết. Các văn bản tố tụng Tòa án gửi về cho chị T theo địa chỉ gia đình bà, gia đình bà đều đã nhận được và đều đã thông báo lại ngay qua điện thoại cho chị T. Chị T đã biết được việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh P nhưng do chị T đang đi làm ăn xa và do tình hình dịch bệnh Covid nên chị T không về Thái Bình và không đến Tòa án được.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 07 tháng 12 năm 2021, đại diện UBND VT và đại diện Công an VT, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Anh P, chị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trước và sau kết hôn, anh chị sống tại nhà ông nội anh P là Đỗ Công C. Bố mẹ đẻ anh P hiện đang sống tại Bình Dương. Trong cuộc sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn và từ năm 2019 chị T về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh P, chị T có hai con chung là Đỗ Hoàng Dương A, sinh năm 2017 và Đỗ Hoàng Nhật M, sinh năm 2018. Nay Phương xin ly hôn chị T, về hôn nhân, về nuôi con chung giữa anh chị, về phía chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Anh P, chị T hiện không vay nợ của các tổ chức tín dụng, đoàn thể tại địa phương.

Từ năm 2019 đến nay, chị T không làm thủ tục đi nước ngoài.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 07 tháng 12 năm 2021, đại diện UBND xã ĐX và đại diện Công an xã ĐX, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Chị T có bố đẻ là ông Vũ Văn C, mẹ đẻ là bà Vũ Thị S. Ông C, bà S hiện đang cư trú tại địa phương. Chị T đã kết hôn với anh P và sống tại gia đình anh P tại huyện V. Năm 2019, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở sau đó đi làm ăn ở nơi khác, thi thoảng mới về qua nhà. Hiện chị T không đăng ký tạm trú tại xã ĐX, huyện ĐH. Chị T, anh P có hai con, hiện một con đang ở cùng anh P, một con là cháu Đỗ Hoàng Nhật M hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ chị T. Tại địa phương, chị T và ông C, bà S chấp hành tốt các quy định của xã, thôn, không có vi phạm gì.

**** Tại Công văn số 646/PA08 ngày 24 tháng 12 năm 2021 Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Vũ Thị Kiều T, như sau:***

Trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh hiện hành không thấy thông tin xuất nhập cảnh của chị Vũ Thị Kiều T. Đương sự không trong diện tạm hoãn xuất cảnh, chưa cho nhập cảnh do Công an tỉnh Thái Bình quản lý.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho anh P được ly hôn chị T. Giao hai con chung Đỗ Hoàng Dương A, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Đỗ Hoàng Nhật M, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2018 cho anh P trực tiếp

nuôi dưỡng. Do chị T không có mặt tại địa phương nên không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh Đỗ Văn P khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị Kiều T, chị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn VH, VT, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị Kiều T qua địa chỉ nhà bố mẹ đẻ chị T là ông Vũ Văn C và bà Vũ Thị S. Gia đình chị T đều đã nhận được và đều đã thông báo lại cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án, không có lời khai và không giao nộp văn bản ghi ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh P và tài liệu, chứng cứ kèm theo. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt chị T.

[1.3] Ngày 10 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn anh Đỗ Văn P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Vũ Thị Kiều T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt anh P và chị T.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn P và chị Vũ Thị Kiều T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND Việt Thuận, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 18 tháng 01 năm 2018, là hôn nhân hợp pháp. Theo anh P, hôn nhân giữa anh chị không có hạnh phúc do anh chị chung sống và kết hôn khi tuổi đời còn trẻ, trong các năm 2017, 2018 anh chị lần lượt sinh hai con trong điều kiện công việc và thu nhập không ổn định, những va vấp, kinh

nghiệm trong cuộc sống không có dẫn đến quan điểm bất đồng, liên tục xảy ra cãi vã, anh chị đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đầu năm 2019 đến nay. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú và đại diện hai bên gia đình thấy mâu thuẫn giữa anh P, chị T là có và đúng như lời trình bày của anh P. Và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị T đều vắng mặt, điều đó thể hiện chị T không có trách nhiệm duy trì hôn nhân, hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P, chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh P, xử cho anh P được ly hôn chị T.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh Đỗ Văn P và chị Vũ Thị Kiều T có hai con chung là Đỗ Hoàng Dương A, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Đỗ Hoàng Nhật M, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2018. Con A hiện đang ở cùng anh P. Con M, trước ở cùng chị T và ông bà ngoại nhưng từ khi chị T đi làm ăn xa, chị T có nhờ bố mẹ đẻ chị chăm sóc, nuôi dưỡng hộ. Mặc dù tại thời điểm hiện tại chị T không có mặt tại địa phương, không trực tiếp chăm sóc con nhưng theo lời khai của anh P và theo cung cấp của đại diện hai bên gia đình thì chị T vẫn thường xuyên điện thoại về cho các con, gửi tiền chi phí sinh hoạt về cho các con thông qua ông bà nội anh P và bố mẹ đẻ chị T. Nay anh chị ly hôn, để các con ổn định cuộc sống và để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con trẻ, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng con A, giao cho chị T trực tiếp nuôi con M, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[2.3] Về chia tài sản chung: Anh Đỗ Văn P trình bày anh và chị Vũ Thị Kiều T không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Vũ Thị Kiều T không có lời khai về tài sản tại Tòa án. Do vậy, về chia tài sản chung không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Anh Đỗ Văn P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Văn P, chị Vũ Thị Kiều T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đỗ Văn P và chị Vũ Thị Kiều T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho anh Đỗ Văn P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Hoàng Dương A, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2017. Giao cho chị Vũ Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Hoàng Nhật M, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2018. Anh Đỗ Văn P và chị Vũ Thị Kiều T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

2.2. Anh Đỗ Văn P và chị Vũ Thị Kiều T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Đỗ Văn P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh P đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0000922 đề ngày 07 tháng 10 năm 2021 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Anh P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Văn P, chị Vũ Thị Kiều T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND Việt Thuận, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 14, ngày 18 tháng 01 năm 2018);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương